

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-10- 2021.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 148/2021/TB-TA ngày 18/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1995;

Trú tại: Số 3, tổ 1, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1993;

Trú tại: Số 248, tổ 6, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:**

Chị và anh Bùi Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 62/2013 ngày 25/3/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, từ đó gia đình thường xuyên cãi nhau. Anh, chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến

nay. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Bùi Tấn P, sinh ngày 05/10/2013, Bùi Anh T1, sinh ngày 10/4/2016 và Bùi Quốc C, sinh ngày 09/01/2019. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu C và đồng ý giao cháu P và cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Bùi Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá quá trình chuẩn bị xét xử có ý kiến trình bày:**

Anh công nhận lời trình bày của chị H là đúng về thời gian kết hôn, mâu thuẫn. Nay tại Tòa anh xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Bùi Tấn P, sinh ngày 05/10/2013, Bùi Anh T1, sinh ngày 10/4/2016 và Bùi Quốc C, sinh ngày 09/01/2019. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu P và cháu T1 và đồng ý giao cháu C cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Bùi Ngọc T.

Con chung: Giao cháu Bùi Tấn P và cháu Bùi Anh T1 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Quốc C cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1.1. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Anh Bùi Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Ngọc T là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh T. Vì chị H cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm đến nhau dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại Tòa anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn và hai bên không còn yêu thương nhau, anh T đồng ý ly hôn, nhưng sau đó anh không lên Tòa làm việc. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Có 03 con chung tên là Bùi Tấn P, sinh ngày 05/10/2013, Bùi Anh T1, sinh ngày 10/4/2016 và Bùi Quốc C, sinh ngày 09/01/2019.

Khi ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng cháu C và đồng ý giao cháu P và cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng và được anh T đồng ý, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với nguyện vọng của con nên được ghi nhận.

2.4. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.5. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, điểm b, khoản 2, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Bùi Ngọc T.

2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Tấn P, sinh ngày 05/10/2013 và Bùi Anh T1, sinh ngày 10/4/2016 cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Giao cháu Bùi Quốc C, sinh ngày 09/01/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Tạm thời các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con

- Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H, anh T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004915 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng anh Bùi Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Vĩnh Tân;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến